

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HS-ST

Ngày 09/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Quốc Dũng**

2/ Bà **Danh Mỹ Hạnh**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2021/TLHS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/QĐXXST– HS ngày 24 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu D, sinh năm 1982 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp K, xã T, huyện G tỉnh K; Trình độ văn hóa: 02/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1940; Vợ tên Lê Thị X, sinh năm 1989 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Công Ty TNHH TM và XDTC

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Quang V**, sinh năm 1976

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 34 P. L, Q, Đ, TP. H

Người đại diện theo ủy quyền cho bị hại: Anh **Hoàng Đình Đ**, sinh năm 1982 (có mặt)

Trú tại: ấp A, xã B huyện C, tỉnh K

Người làm chứng: Ông **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Trú tại: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ ngày 19 tháng 10 năm 2020, Nguyễn Hữu D, sinh năm: 1982, cư trú ấp K, xã T, huyện G tỉnh K đang ở nhà thì có một đối tượng tên H là người D quen biết trước đây hiện là công nhân của “Công trình Cống Cái Lớn” gọi điện thoại đến hỏi “có đi lấy sắt không”. Nghe vậy, D biết là H đi lấy trộm sắt để bán lại cho D nhưng D vẫn đồng ý mua. Hai bên thỏa thuận một kg sắt H lấy trộm D sẽ mua với giá là 3.800 đồng và hẹn nhau 02 giờ ngày 20 tháng 10 năm 2020 sẽ cùng nhau đến “Công trình Cống Cái Lớn” thuộc địa phận ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K để lấy trộm sắt. Đến khoảng 02 giờ, ngày 20 tháng 10 năm 2020, do cần người phụ giúp để vận chuyển sắt nên D đi sang nhà ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1971, nơi cư trú ấp K, xã T, huyện G tỉnh K (D1 là anh rể của D) kêu ông D1 đi khiên sắt phế liệu với D và hứa sẽ trả công với số tiền 200.000 đồng ông D1 hỏi sắt ở đâu có thì D nói dối là sắt phế liệu do D mua lại. Do có quan hệ họ hàng nên ông D1 đã tin lời D và hoàn toàn không biết D đi trộm sắt nên ông D1 đồng ý. Sau đó, D điều khiển vỏ máy composite màu xanh trắng, đặt máy dầu 3T72 của D chở D1 đến đoạn sông cách “Công trình Cống sông Cái Lớn” khoảng 300 m để rước H rồi cả ba cùng chạy vỏ đến xà lang đặt cần cầu ký hiệu TC-09 đang thi công “Công trình Cống sông Cái Lớn” thuộc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K. Đến nơi, H leo lên xà lang quan sát thấy không có người nên lấy trộm 77 miếng sắt bảng có kích thước khác nhau với tổng trọng lượng là 1949kg của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng Trung Chính đang thi công “Công trình Cống sông Cái Lớn” rồi chuyển xuống vỏ cho D. Lúc này D1 chứng kiến toàn bộ sự việc nên nghĩ rằng số sắt trên D đã mua của H nên không nghi ngờ gì và giúp D sắp xếp số sắt xuống vỏ. Sau khi lấy trộm số sắt trên D trả trước cho H số tiền 3.000.000 đồng rồi điều khiển vỏ máy chở sắt vừa lấy trộm đi về nhà. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, D liên lạc cho anh Trương Văn Ng, sinh năm 1996, nơi cư trú: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh K làm nghề mua bán phế liệu hỏi anh Ng có mua sắt phế liệu

không, do anh Ng hoàn toàn không biết sắt trên là do D lấy trộm nên anh Ng đồng ý mua sắt của D với giá là 5.700 đồng/kg. Hai bên thoả thuận D sẽ chở sắt đến dưới chân cầu Cái Lớn để bán cho anh Ng, vì nơi đây có thể dễ dàng vận chuyển sắt lên xe tải. Sau đó, D điều khiển vỏ máy một mình đến điểm hẹn để bán sắt cho Ng. Khi cả hai đang tiến hành cân sắt thì anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991, nơi cư trú: Thôn An Phú 1, xã Quỳnh Hải, huyện Huỳnh Phú, tỉnh Thái Bình là Kỹ thuật viên của “Công trình Cống sông Cái Lớn” đi ngang phát hiện sắt trên là của công trình bị mất nên báo cho anh Hoàng Đình Đ, sinh năm 1982, nơi cư trú: ấp A xã B, huyện C, tỉnh K là người quản lý công trình của Công Ty TNHH TM và XDTC. Sau đó, anh Đ đến Cơ quan công an để trình báo sự việc. Nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã đến nơi lập biên bản thu giữ tang vật là 77 miếng sắt bảng có khối lượng 1949kg và mời D về Công an huyện Châu Thành làm việc. Tại đây D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan Công an cũng đã tiến hành đến “Công trình Cống sông Cái Lớn” để xác minh đối tượng tên H. Qua xác minh hiện tại Công trình có một công nhân tên Trần Đình H, sinh năm 1994, cư trú: xã Lộc Yên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên ngay ngày xảy ra vụ án H đã nghỉ việc và không có mặt tại công trình trên. Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh nơi cư trú của H tại xã Lộc Yên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh nhưng hiện H vẫn chưa về lại nơi cư trú nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thể làm việc được với H.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 51/KL-HĐTĐGTS ngày 17/12/2020 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:

01. 10 (mười) miếng thép bảng tab có kích thước 67cm x 35cm, độ rộng 1,5cm, trọng lượng 292 kg có giá là 2.628.000 đồng.

02. 30 (ba mươi) miếng thép bảng tab có kích thước 67cm x 15cm, độ rộng 1,5cm, trọng lượng 410 kg có giá là 3.690.000 đồng.

03. 15 (mười lăm) miếng thép bảng tab có kích thước 83cm x 15cm, độ rộng 1,5cm, trọng lượng 266 kg có giá là 2.394.000 đồng.

04. 01 (một) miếng thép bảng tab có kích thước 60cm x 40cm, độ rộng 1,5cm, trọng lượng 24 kg có giá là 216.000 đồng.

05. 18 (mười tám) miếng thép bảng tab có kích thước 83cm x 35cm, độ rộng 1,5cm, trọng lượng 744 kg có giá là 6.696.000 đồng.

06. 12 (mười hai) miếng thép bảng tab có kích thước 60cm x 23cm, độ rộng 1,5cm, trọng lượng 193 kg có giá là 1.737.000 đồng.

07. 01 (một) miếng sắt và 01 (một) ống sắt hình tròn, trọng lượng 20 kg có giá là 180.000 đồng.

Tổng cộng tài sản có giá trị là 17.541.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm bốn mươi một ngàn đồng)

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục hậu quả theo yêu cầu của phía bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án và hướng xử lý: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ của Nguyễn Hữu D các phương tiện dùng vào việc phạm tội gồm: 01 vỏ composite màu xanh trắng dài 9,9m, ngang 1,15m đã qua sử dụng; 01 máy xe loại 3T72, trên máy có số 28 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A11, màu xanh, số sê ri: R9JN61FRQMT. Các vật chứng trên sẽ tịch thu phát mãi sung ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả cho Chủ sở hữu là Công Ty TNHH TM và XDTC số tài sản bị chiếm đoạt gồm: 10 (mười) miếng thép bảng tab có kích thước 67cm x 35cm, độ rộng 1,5cm, trọng lượng 292 kg; 30 (ba mươi) miếng thép bảng tab có kích thước 67cm x 15cm, độ rộng 1,5cm, trọng lượng 410 kg; 15 (mười lăm) miếng thép bảng tab có kích thước 83cm x 15cm, độ rộng 1,5cm, trọng lượng 266 kg; 01 (một) miếng thép bảng tab có kích thước 60cm x 40cm, độ rộng 1,5cm, trọng lượng 24 kg; 18 (mười tám) miếng thép bảng tab có kích thước 83cm x 35cm, độ rộng 1,5cm, trọng lượng 744 kg; 12 (mười hai) miếng thép bảng tab có kích thước 60cm x 23cm, độ rộng 1,5cm, trọng lượng 193 kg và 01 (một) miếng sắt và 01 (một) ống sắt hình tròn, trọng lượng 20 kg.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, đại diện theo uỷ quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng Trung Chính anh Hoàng Đình Đ yêu cầu bị cáo khắc phục số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo đồng ý khắc phục và đã khắc phục xong.

Đối với đối tượng Trần Đình H, theo lời khai của D là người đã cùng D trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra vẫn chưa thể làm việc được với H do H đã bỏ đi khỏi nơi làm việc và chưa về lại nơi cư trú. Ông

Nguyễn Văn D1 là người cùng đi với D không nhận dạng được H. Do hiện tại chỉ có duy nhất lời khai của D khẳng định là H là người đã cùng D trộm cắp tài sản nên chưa đủ căn cứ để khởi tố H về tội Trộm cắp tài sản, Vì vậy đối với H, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn D1 là người đã phụ giúp D sắp xếp sắt xuống vỏ máy Composite. Quá trình điều tra đã chứng minh ông D1 không nhận thức được tài sản trên là do D trộm cắp mà có. D cũng thừa nhận đã không nói cho D1 biết việc đi trộm cắp sắt, khi đi D nói dối với D1 là đi vận chuyển sắt phế liệu mà D đã mua sẵn để đem về nhà, D sẽ trả công cho D1. Do đó, hành vi của D1 không phạm tội trộm cắp tài sản.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKS-CT ngày 10/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu D về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ Ng quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Hữu D phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu D** từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 vỏ composite màu xanh trắng dài 9,9m, ngang 1,15m đã qua sử dụng; 01 máy xe loại 3T72, trên máy có số 28 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A11, màu xanh, số sê ri: R9JN61FRQMT.

Bị cáo và người đại diện theo ủy quyền cho bị hại không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 22 giờ ngày 19/10/2020 Nguyễn Hữu D nhận được điện thoại từ đối tượng tên H (chưa xác định được nhân thân lai lịch) hỏi có đi lấy sắt không. Nghe vậy, D liền biết là H lấy trộm sắt bán và D đồng ý mua, cả hai trao đổi địa điểm lấy sắt là Công Trình Công Cãi Lớn. Đến khoảng 02 giờ, ngày 20/10/2020 D thuê anh Nguyễn Văn D1 đi khiên sắt phế liệu tiếp D, D sẽ trả công cho anh D1 200.000 đồng thì anh D1 đồng ý. Sau đó, D điều khiển võ máy composite màu xanh trắng, đặt máy dầu 3T72 đi lấy sắt, khi còn cách chỗ hẹn khoảng 300m D ghé lại rước H rồi tiếp tục điều khiển võ máy đến xà lang đặt cần cẩu ký hiệu TC-09 đang thi công tại “Công trình Công sông Cãi Lớn” thuộc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K. Tại đây, D đã cùng với H lén lút lấy trộm cắp 77 miếng sắt bảng có khối lượng 1949kg của Công Ty TNHH TM và XDTC bỏ xuống võ. Sau khi lấy trộm được tài sản D chia cho H 3.000.000 đồng rồi điều khiển võ máy chạy đi về nhà. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày khi D đang trao đổi mua bán số sắt trộm trên thì bị Công an phát hiện và bắt quả tang. Theo kết quả định giá thì tài sản mà D lấy trộm có giá trị là 17.541.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Như vậy, hành vi lén lút lấy trộm sắt có giá trị 17.541.000 đồng của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như đã viện D nêu trên.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo là người có đủ năng lực, nhận thức rõ việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là hành vi mà pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự cho những ai cố ý vi phạm. Mặc dù đủ năng lực nhận thức hết được hậu quả gây ra, thế nh chỉ vì tham lam, vụ lợi nên khi được H điện thoại ngỏ ý kêu bán sắt lấy trộm tại công trình, dù biết được số sắt trên là tài sản phạm pháp nhưng bị cáo vẫn đồng ý cùng H đi lấy trộm sắt để nhằm thu lợi bất chính cho bản thân, không nghĩ gì đến hậu

quả gây ra. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ mà qua đây còn tạo tâm lý bất an cho người dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị mất trộm đã được thu hồi trao trả lại cho bị hại và bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, đồng thời tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo cũng đã hiến một phần đất cho Nhà nước xây dựng trụ sở ấp. Do đó, cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài cho thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đối chiếu theo Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự, không cần phải tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho bị cáo tự thân học tập, cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng là phù hợp.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản bị mất trộm đã được nhận lại, đồng thời bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường xong số tiền 2.000.000 đồng cho người đại diện theo ủy quyền cho bị hại là anh Hoàng Đình Đ và do anh Đ không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với 01 vỏ composite màu xanh trắng dài 9,9m, ngang 1,15m đã qua sử dụng; 01 máy xe loại 3T72, trên máy có số 28 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A11, màu xanh, số sê ri: R9JN61FRQMT của bị cáo D đã bị thu giữ trong vụ án. Đây là tài sản mà bị cáo dùng để làm phương tiện, công cụ phạm tội nên cần xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

[9] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu D 09** (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm **06** (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh K giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 vỏ composite màu xanh trắng dài 9,9m, ngang 1,15m đã qua sử dụng; 01 máy xe loại 3T72, trên máy có số 28 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A11, màu xanh, số sê ri: R9JN61FRQMT của bị cáo D.

Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đang quản lý theo Quyết định chuyển giao vật chứng số: 26/QĐ-VKSCT ngày 10/5/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Hữu D phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong